



Nhìn lại kinh tế Việt Nam năm 2005 và định hướng phát triển năm 2006

PGS. TS. ĐÀO DUY HUÂN

1. Tổng quát kinh tế Việt Nam năm 2005

Năm 2005, môi trường kinh tế, xã hội, chính trị thế giới có nhiều biến đổi theo 2 chiều hướng cơ hội và thách thức phức tạp hơn so với năm 2004, nhất là sự không ổn định của giá xăng dầu, giá vàng đã tác động mạnh đến nền kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có nền kinh tế Việt nam. Năm 2005, môi trường kinh tế Việt nam cũng có nhiều biến đổi, nhất là xuất hiện nhiều thách thức như giá nhiều mặt sản phẩm hàng hoá liên quan đến các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh gia tăng như xăng dầu, giá vàng, dịch cúm gia cầm vẫn tồn tại, hạn hán, lũ lụt ở miền Trung. Tuy vậy năm 2005, do có sự điều chỉnh chính sách của chính phủ, các bộ, các tỉnh, các ngành kịp thời nên đã huy động được nguồn nội lực của toàn xã hội và nguồn ngoại lực lớn phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH và phát triển kinh tế, nên đã đạt được những kết quả vượt bậc, đáng kể trên nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội. Bên cạnh mặt tích cực thì cũng bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn, bất cập cần phải vượt qua để tạo cơ sở cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Điều này được thể hiện cụ thể sau:

1.1. Những kết quả đạt được

Nhìn trên tổng thể năm 2005, kinh tế nước ta vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá cao hơn so với các năm và so với

một số nước trên thế giới. Theo báo cáo của văn phòng chính phủ, tính chung cả năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 8,4%, cao hơn năm 2004 (7,7%), trong đó lâm nghiệp tăng 4,9%, công nghiệp và xây dựng tăng 17,2%, dịch vụ tăng gần 7,5%. Điều này được thể hiện trong các lĩnh vực kinh tế cụ thể sau:

(1) Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt mức cao, nhất là khu vực công nghiệp dân doanh và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Tính chung cả năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt hơn 416,8 nghìn tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2004 (năm 2004 tăng 16%), với giá trị gia tăng cả năm đạt 10,6%; trong đó khu vực dân doanh tăng 24,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 20,9% và khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 8,7% (trung ương tăng 13,1%, địa phương giảm 2%).

Một số sản phẩm đạt tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2004 là than sạch khai thác tăng 21,7%, phân hoá học tăng 24,7%, gạch lát tăng 21,9%, thép cán tăng 2,8%, máy công cụ tăng 32,8%, ô tô lắp ráp tăng 31,1%, thủy sản chế biến tăng 20,7%, giấy bìa các loại tăng 18,9%, thuốc viên các loại tăng 20,4%, xe máy lắp ráp các loại tăng 23,4%, ô tô các loại tăng 18,5%, sản phẩm sử dụng sinh tăng 20,9% và gạch lát tăng 18,6%.

Nhiều địa phương đã đạt mức tăng trưởng kinh tế cao như: Vĩnh Phúc tăng 31,8%, Bình Dương tăng 31%, Cần Thơ tăng 23,3%, Hải Dương tăng 21%, Đồng Nai tăng 21%, Hà Tây tăng 20,8%, Khánh Hoà 19%, TP. Đà Nẵng tăng 18,7%, TP Hải Phòng tăng 18,1%, Quảng Ninh 18,1%, Hà Nội tăng 15,5% và TP.HCM tăng 14,4%.

(2) Sản xuất nông nghiệp vượt qua nhiều khó khăn thách thức về thiên tai, tiếp tục phát triển. Kết thúc năm 2005, tính chung diện tích lúa cả nước ước đạt 7,32 triệu ha, năng suất lúa cả nước ước đạt 48,9 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha; sản lượng đạt khoảng 35,8 triệu tấn, nếu tính cả 3,75 triệu tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2005 ước đạt 39,55 triệu tấn.

Sản lượng thủy hải sản cả năm 2005 đạt khoảng 3.433 nghìn tấn, tăng 9,2% so với năm 2004. Ngành chăn nuôi phát triển khá, đàn gia cầm mặc dầu do dịch cúm gia cầm H5N1, nhưng vẫn tăng 0,8%; đàn trâu tăng 1,8%; đàn lợn tăng 4,9%; đàn bò tăng 12,9%. Năm 2005, tính chung giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp tăng 4,9%. Giá trị tăng thêm của toàn ngành tăng 4,0%.

(3) Khu vực dịch vụ tăng trưởng khá, nhất là thương mại nội địa tăng trưởng mạnh. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2005, ước đạt 475.381 tỷ đồng, tăng 20,5% so với năm 2004 (Năm 2004 tăng trưởng 18,2%).

Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2005 đạt trên 32.233 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2004. Trong đó xuất khẩu của doanh nghiệp FDI (không kể dầu thô) ước tăng 26,2% và chiếm 34,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nếu tính cả dầu thô thì xuất khẩu của doanh nghiệp FDI ước tăng 27,8% so với năm 2004. Các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, EU, Nhật có tốc độ tăng trưởng khá cao, các DN đã chủ động tìm kiếm thị trường, chuyển hướng kịp thời sang thị trường khác khi gặp khó khăn, đặc biệt hàng thủy sản.

Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu đạt trên 36,881 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2004; trong DN FDI nhập khẩu đạt 13,687 tỷ USD, tăng 23,5%. Nhập siêu năm 2005 ước ở mức 4,65 tỷ USD, bằng 14,4% so với tổng kim ngạch nhập khẩu, thấp hơn mức nhập siêu của năm 2004 cả về kim ngạch và tỷ lệ (năm 2004 là 5,5 tỷ USD và 17,3%).

(4) Năm 2005, vốn đầu tư xã hội ước tăng 18,5% so với thực hiện năm 2004 và vượt mức kế hoạch đạt ra (kế hoạch đạt ra 300 nghìn tỷ đồng), đạt 39,9% GDP. Nguồn vốn đầu tư đã được tập trung vào mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế để nâng cao hiệu quả sản xuất, phát huy lợi thế của từng vùng, từng ngành.

Thu hút vốn ODA có biến chuyển tích cực. Tại hội nghị CG tổ chức tháng 12.2005 các nhà tài trợ đã cam kết hỗ trợ Việt Nam 3,747 tỷ USD, tăng 300 triệu USD so với năm 2004. Giải ngân ODA cả năm 2005 ước đạt 1,723 tỷ USD, ước đạt mức kế hoạch và tăng 15,4% so với năm 2004.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng khá. Năm 2005 tổng vốn cấp phép mới và vốn đăng ký thêm ước đạt 5,835 tỷ USD, tăng 45,2% so với năm 2004; vốn đầu tư nước ngoài thực hiện ước đạt 3,300 tỷ USD, tăng 15,8% so với năm 2004.

(5) Thu ngân sách tăng khá, hoạt động tiền tệ đáp ứng được nhu cầu tín dụng phục vụ SXKD.

- Thu ngân sách nhà nước so với dự toán, tổng ngân sách nhà nước năm 2005 ước tăng 15%, trong đó thu nội địa tăng 9,2%, thu từ dầu thô tăng 46,1%, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bằng mức dự toán; thu từ viện trợ không hoàn lại tăng 10%. Chi ngân sách nhà nước năm 2005 ước tăng 12,5%, trong đó chi đầu tư phát triển ước tăng 12,1%. Bội chi ngân sách nhà nước năm 2005 ước bằng 4,86% GDP.

- Hoạt động du lịch gia tăng, nhất là du khách quốc tế. Tính chung cả năm 2005 số khách quốc tế đến VN đạt trên 3,46 triệu lượt người, tăng 18,4% so với năm 2004.

- Tính chung cả năm 2005, hoạt động vận tải hàng hoá và hàng khách tăng khá ước đạt 324,2 triệu tấn hàng hoá vận chuyển và 81 tỷ tấn luân chuyển, tăng 7,3% về tấn vận chuyển và 6,7% về tấn luân chuyển so với năm 2004; vận tải hành khách đạt 1.267 triệu lượt người và 53,2 tỷ hành khách luân chuyển, tăng 7,5% về lượt hành khách và 11,8% về lượt hành khách luân chuyển.

- Hoạt động bưu chính viễn thông tiếp tục phát triển ổn định. Tính chung cả năm 2005, đã phát triển thêm 5,3 triệu thuê bao điện thoại, nâng tổng số thuê bao trên toàn mạng năm 2005 đạt hơn gần 15,6 triệu máy, đạt mật độ thuê bao 18,8 máy/100 dân. Đến cuối năm 2005, hoàn thành mục tiêu 100% xã có điện thoại. Trong năm 2005 toàn ngành bưu chính viễn thông đạt khoảng 37.900 tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2004.

Hoạt động tiền tệ, tổng phương tiện thanh toán đến cuối tháng 12 ước tăng 3,1% so với cuối tháng 11; tính chung cả năm 2005, tổng phương tiện thanh toán tăng 20% so với năm 2004; nguồn vốn huy động cả năm 2005 ước tăng 23,1% so với năm 2004, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2004 (năm 2004 tăng 20,9%); dư nợ cho vay toàn nền kinh tế cả năm 2005 ước tăng 19% so với năm 2004, giảm đáng kể so với tốc độ tăng trưởng cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước

tăng 26,2%).

Ông Jordan Ryan, Trưởng đại diện Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam, đã nhận định, trong năm 2005, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế. Tỷ lệ đói nghèo tiếp tục giảm, trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế và kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng. Các chỉ số xã hội của Việt Nam cũng tiếp tục được cải thiện. UNDP cũng đánh giá cao báo cáo về tình hình thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ mà Chính phủ Việt Nam đưa ra tại phiên họp của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2005

Chỉ tiêu	Năm 2004	Số ước năm 2005
- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) %	7,8	8,4
- Giá trị GDP theo giá hiện hành (Nghìn tỷ đồng)	715,3	837,8
- GDP bình quân đầu người (USD)	553	640
Tốc độ tăng giá trị SX công nghiệp (%)	16,0	17,2
Tốc độ tăng giá trị SX Nông nghiệp (%)	5,8	4,9
Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ (%)	18,2	20,5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	26,5	32,223
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	32,0	36,881
Thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội (Nghìn tỷ đồng)	275	326
Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (tỷ USD)	4,019	5,853
Chỉ số giá tiêu dùng (%)	9,5	8,4
Tạo việc làm (Triệu người)	1,56	1,6
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	8,3	7,0
Giảm tỷ lệ sinh (%)	0,37	0,4

Bên cạnh những kết quả đạt được rất quan trọng trên, bức tranh kinh tế năm 2005 cũng cho thấy, nền kinh tế nước ta còn nhiều bất cập và hạn chế.

1.2. Hạn chế:

- Trong lĩnh vực kinh tế, hạn chế lớn nhất là sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn yếu, chất lượng tăng trưởng chưa thật cao và bền vững.

- Tỷ lệ lạm phát năm 2005 ở mức khá cao. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12. 2005 vẫn tiếp tục tăng ở mức cao (tăng 0,8%), đưa tốc độ tăng giá tiêu dùng cả năm 2005 lên 8,4%. Đây là năm có tốc độ tăng giá tiêu dùng cao thứ 3 trong 10 năm gần đây (năm 1998 lên 9,2%, năm 2004 tăng 9,4%). Như vậy chỉ số giá tiêu dùng tăng bằng tốc độ tăng GDP và cao hơn mục tiêu kiềm chế lạm phát đã được quốc hội thông qua.

- Về công nghiệp, mặc dầu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp đạt mức cao, nhưng tốc độ tăng giá trị gia tăng đạt 10,6%, không tương ứng với tăng giá trị sản xuất và thấp hơn mức kế hoạch (kế hoạch 11%) chi phí sản xuất nhiều sản phẩm còn ở mức cao, sức cạnh tranh yếu so với các nước trong khu vực. Chưa xây dựng được một ngành công nghiệp phụ trợ cho các khu công nghiệp, nhất là cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dẫn đến phải nhập khẩu làm tăng chi phí sản xuất và không chủ động được trong SXKD. Việc định hướng đầu tư vào các ngành công nghiệp chủ lực cho sự phát triển nền kinh tế VN trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vẫn chưa được xác định rõ ràng để làm căn cứ cho việc đầu tư phát triển.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn lệ thuộc quá nhiều vào điều kiện tự nhiên, gặp nhiều khó khăn do thiên tai và dịch bệnh

vai trò của công nghệ sinh học, khoa học kỹ thuật chưa tác động hiệu quả, hệ quả tốc độ tăng giá trị sản xuất cả năm 2005 chỉ đạt 3,2%, trong đó trồng trọt chỉ tăng 1,3% so với năm 2004.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng cao, trong đó yếu tố giá tăng của một số mặt hàng. Tính riêng do tăng giá dầu thô, kim ngạch xuất tăng 2,1 tỷ USD, tương đương với 7,9% tốc độ tăng trưởng; nếu loại trừ yếu tố tăng giá dầu thô thì tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2005 tăng 13,6% so với năm 2004.

- Trong đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn dãn trải, thất thoát nhiều tỷ đồng, song vẫn chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

- Quá trình tham gia phân công lao động trong các lĩnh vực nền kinh tế của khu vực Đông Nam Á và quốc tế vẫn chưa rõ nét. Nhà nước, ngành chưa đưa ra được các chính sách hữu hiệu về thị trường, giá cả, về thương hiệu để hạn chế rủi ro cho nông dân.

2. Định hướng phát triển kinh tế năm 2006

2.1. Dự báo nền kinh tế toàn cầu tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục tăng trưởng, nhưng sẽ trải qua cuộc suy thoái nhẹ trong năm 2006. Đó là nhận định của hơn 50 nhà nghiên cứu kinh tế hàng đầu thế giới tham gia công trình nghiên cứu dự báo tình hình kinh tế thế giới.

Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng của các nước đang phát triển sẽ đạt 5,9% trong năm 2006, với Đông Nam Á và khu vực châu Á-Thái Bình Dương sẽ đạt 7,8%, trong khi tỷ lệ tăng trưởng tại Nam Á là 6,9%, tại châu Mỹ La tinh và Caribe là 4,5% và tại vùng phụ cận châu Phi là 4,6%.

OECD khẳng định, trong thời gian tới, nhìn chung mức tăng trưởng trên toàn cầu vẫn đặc biệt mạnh mẽ, kích thích giá dầu và giá trên thị trường hàng hóa tăng mạnh. Theo OECD, các nguy cơ đối với nền kinh tế toàn cầu trong năm 2006-2007 sẽ là giá dầu cao, sự mất cân đối như thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ (dự kiến sẽ tăng tới mức kỷ lục, chiếm khoảng 7% GDP của Mỹ).

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cho rằng nền kinh tế toàn cầu trong năm 2006 có thể là một cơ hội phát triển lớn đối với các nền kinh tế trên khắp thế giới với tốc độ phát triển kinh tế tăng nhẹ so với năm 2005. IMF kêu gọi các nước đang phát triển tận dụng các điều kiện tài chính lành mạnh hiện nay để tăng cường nền tảng phát triển kinh tế của mình vì lãi suất dài hạn thấp đang tác động tích cực đến các nền kinh tế đang phát triển trong năm 2005 có thể nhanh chóng thay đổi.

WB dự báo giá dầu trung bình 53,6 USD/thùng trên thị trường năm 2005 sẽ tăng lên, đạt 56 USD/thùng trong năm 2006, cao hơn 37,7 USD so với năm ngoái. IMF cũng cảnh báo có khả năng giá dầu tiếp tục tăng trong năm 2006, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới. Các yếu tố khác có nguy cơ đe dọa nền kinh tế thế giới còn có sự lên xuống giá thất thường của đồng Đô-la Mỹ, giảm giá bất động sản. Điều này sẽ tác động đến sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam, nếu biết tận dụng cơ hội và hạn chế nguy cơ thì nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng.

2.2. Năm 2006, đối với Việt Nam nền kinh tế sẽ đứng trước những vận hội- thách thức mới do môi trường kinh tế quốc tế và trong nước mang lại, cần phải tận dụng triệt để các cơ hội phát triển kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Tốc độ tăng trưởng GDP là 8%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 16%,
- Tổng vốn đầu tư xã hội đạt mức 38,6% GDP.
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng dưới 8%.
- Tạo việc làm mới cho 1,6 triệu người.

Để thực hiện các mục tiêu trên, năm 2006 cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

Một, tổ chức tốt việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước của các cấp các ngành cho các đơn vị, các bộ các ngành, tổng công ty 91, địa phương căn cứ bố trí theo cơ cấu được giao, đúng mục tiêu kế hoạch, không bố trí vốn dãn trải, phân tán. Các dự án khởi công mới phải có đầy đủ thủ tục đầu tư theo qui định hiện hành. Chỉ bố trí vốn cho các công trình có trong kế hoạch được duyệt, đã có quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt. Ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án ODA.

Cần tập trung chỉ đạo nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và SXKD, nhất là tháo gỡ các khó khăn, giảm chi phí sản xuất hạ giá thành nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 8% trong năm 2006.

- Bình ổn giá cả các sản phẩm hàng hóa chủ yếu cung cấp đầu vào cho SXKD như giá xăng dầu, điện, than, xi măng, thép. Ổn định giá các sản phẩm hàng hóa thiết yếu cho đời sống của dân cư như lương thực thực phẩm, thuốc chữa bệnh.

- Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để tạo lập quyền tự chủ tối đa cho doanh nghiệp, gắn lợi ích kinh tế của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hoá. Tăng cường vai trò của người lao động trong việc soạn thảo, thực thi chiến lược và kiểm tra, kiểm soát hiệu quả hoạt động SXKD.

Hai, tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh thông thoáng cho khu vực kinh tế dân doanh, để huy động tối đa nguồn lực cho đẩy nhanh phát triển kinh tế.

- Cần huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, đầu tư dãn trải, nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường và môi trường kinh doanh theo chiều hướng ngày càng tích cực.

- Rà soát, loại bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp, thực hiện qui chế một cửa tại cơ quan hành chính; thực hiện công khai, minh bạch, tôn trọng dân chủ cơ sở; tăng cường tính hiệu quả và tính minh bạch của cơ chế, chính sách nhà nước.

Ba, tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, kèm chế nhập siêu, thông qua đẩy mạnh SX và xuất khẩu các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh và có thị trường xuất khẩu như các mặt hàng dệt may, giày dép, túi xách, cao su, xe đạp, phụ tùng, các mặt hàng đồ gỗ. Xác định giải pháp đồng bộ để khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước phục vụ cho SX hàng hóa, kể cả hàng xuất khẩu, góp phần giảm giá thành sản xuất và giảm dần sự lệ thuộc và nguồn liệu nhập khẩu.

Tăng cường xúc tiến thương mại, tích cực triển khai có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia năm 2005 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bộ thương mại kịp thời cung cấp thông tin về giá cả, thị trường trong và ngoài nước đến các doanh nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng phương án chủ động đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt về thủ tục hải quan, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Bốn, bình ổn giá cả, thị trường. Nhiều mặt hàng cả trong và ngoài nước đang tăng hoặc có xu hướng tăng giá (sắt thép, xi măng, xăng dầu...) sẽ tác động xấu tới sản xuất trong nước. Cần tăng cường thu thập, phân tích thông tin, dự báo sự tác động dây chuyền của việc tăng giá của những sản phẩm có tác động lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân để chủ động xây dựng biện pháp xử lý.

Củng cố và phát triển hệ thống phân phối trong nước. Các tổng công ty lớn áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ giá bán sản phẩm trên thị trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, niêm yết và bán theo giá niêm yết, chống đầu cơ, đẩy giá thị trường lên cao, nhất là các mặt hàng có nhu cầu cao trong dịp Tết Nguyên đán.

Các Bộ, địa phương tăng cường chỉ đạo bảo đảm đủ nguồn cung cấp ổn định các hàng hoá phục vụ sản xuất như xi măng, sắt thép, hoá chất, cơ khí, phân bón.

Năm, khẩn trương sửa đổi những văn bản chưa hợp lý gây khó khăn trong sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời ban hành các nghị định và văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện các luật đã được Quốc hội thông qua.

Khẩn trương sửa đổi ngay những điểm chưa hợp lý trong Nghị định 16 về hướng dẫn thực hiện Luật xây dựng.

Khẩn trương ban hành các nghị định hướng dẫn thực

hiện các luật đã và sẽ được Quốc hội thông qua, đặc biệt là các luật: Luật đầu tư (chung), Luật doanh nghiệp (chung) và Luật đầu thầu, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, xây dựng, ban hành một số luật, pháp lệnh đảm bảo sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với yêu cầu của tiến trình hội nhập và gia nhập WTO.

Sửa đổi bổ sung các quyết định pháp lý về cổ phần hoá. Sửa đổi, bổ sung các quyết định pháp lý, chuyển công ty nhà nước sang hoạt động theo Luật doanh nghiệp chung.

Việc ban hành các văn bản quy phạm được tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản, nhất là lấy ý kiến của các doanh nghiệp và các hiệp hội, bảo đảm các văn bản ban hành phù hợp với thực tế và có khả năng thực hiện.

Tóm lại, kết quả đạt được về kinh tế năm 2005 là đáng kể, song nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2006 còn khó khăn hơn. Những kinh nghiệm mang lại sự thành công trong năm 2005 cần phải được tiếp tục kế thừa thực hiện trong năm 2006, song cần phải có giải pháp đột phá hơn, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn, thì mới có khả năng đưa nền kinh tế tăng trưởng ổn định trong tương lai. Đúng như nhận định của Ông Jordan Ryan, Trưởng đại diện Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam nói: "Chúng tôi vui lòng nhận thấy rằng Chính phủ đã quan tâm tới việc thực hiện chương trình phát triển kinh tế-xã hội 5 năm tới nhằm đem lại cuộc sống tốt hơn cho người dân Việt Nam. Tôi nghĩ có để làm điều này, chúng ta cần tiếp tục giám sát, thẩm định và đánh giá toàn diện kế hoạch. Bên cạnh đó, Việt Nam cần củng cố hệ thống lãnh đạo tại các cấp địa phương nhằm thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả" ■

Nguồn số liệu: - Báo cáo của Văn phòng chính phủ
- Bộ kế hoạch và đầu tư

(Tiếp theo trang 6)

Tiếp tục đổi mới ...

Cho dù quyền lực luôn khẳng định rằng cái mà nó muốn sắp đặt cũng trùng với cái mà xã hội mong hướng tới, nhưng trong thực tế không có gì bảo đảm cho điều đó khi mà cái xảy ra phổ biến lại là những phân biệt đối xử với các doanh nghiệp thuộc thành phần này và những thiên vị với một thành phần khác. Sự phân biệt đối xử và thiên vị đó càng bộc lộ rõ tác hại đối với những lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao hoặc đòi hỏi nhiều tri thức mà hiện nay ta đang đặc biệt khuyến khích, bởi vì đối với các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này, yêu cầu sống còn là phải nâng cao được nhanh chóng các năng lực học, sáng tạo và thích nghi để tìm được các chiến lược hiệp tác trong tiến hoá; bất kỳ một tác động nào từ bên ngoài làm ảnh hưởng đến các năng lực đó của các doanh

nh nghiệp thì cũng có thể làm méo mó các kết quả của hợp trội, chuyển từ khả năng hiệp tác sang tình thế cạnh tranh đối kháng, kết quả hợp trội từ khả năng là tích cực dễ biến thành tiêu cực.

Từ vài thập niên gần đây ta thường thấy khẩu hiệu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" luôn đi kèm với "định hướng xã hội chủ nghĩa". Có phải là người ta muốn được hiểu cái "định hướng xã hội chủ nghĩa" thực sự có nội dung như khẩu hiệu nói trên? Nếu quả vậy thì thật phức tạp cho đất nước ta, và trong tình hình mà thuật ngữ "xã hội chủ nghĩa" còn được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, nên chẳng hãy mạnh dạn thay thế câu "xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" bằng câu "xây dựng nền kinh tế thị trường, hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Trong câu này nghĩa của nhiều từ trong phần mục tiêu còn mơ hồ,

như các từ công bằng, dân chủ,...; nhưng nếu ta hiểu rằng hệ thống kinh tế xã hội là một hệ thống cực kỳ phức tạp, thì việc xác định trước một mục tiêu chắc chắn là không thể được, ta chỉ có thể nói đến một hướng mục tiêu, tính mơ hồ hay không chắc chắn của nó sẽ được khắc phục dần trên các chặng đường tiến hoá của hệ thống, nội dung cụ thể của công bằng, dân chủ sẽ được xác định dần từng bước qua hoạt động tương tác của những thích nghi và hợp trội ở từng giai đoạn tiến hoá của xã hội ■

(*) Trích Tham luận "Góp vài suy nghĩ để cùng tư duy tiếp tục về đổi mới" tại Hội thảo Hà - Đà Nẵng 28-30.7.2005

[1] Một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu luật tỷ suất lợi nhuận biên tăng dần là của A.A.Young: Increasing returns and Economic progress, The Economic Journal, vol.38 (1928), pp.527-542. Luật tỷ suất lợi nhuận tăng, các vòng liên hệ phản hồi dương trong kinh tế, v.v... đã được nhiều nhà kinh tế học quan tâm nghiên cứu trong vài thập niên gần đây.